

BÀI LÀM CỦA THÍ SINH

Họ và tên thí sinh: Thái Huy Nhật Quang. Mã số: 16021113

Ca thi: 2018f-INT3306-3 N2 Phòng thi số: 1 Ngày thi: Buổi thi: Sáng Mã đề: 2621

(Thí sinh ký tại góc trên phải tất cả các trang in của bài làm.)

TRẮC NGHIỆM**LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN ĐÚNG****Câu 1.** Đặt tất cả các đối tượng <p> có chữ in đậm như thế nào?

- (A) ☐ <p style="text-size:bold;">
- (B) ☐ p {text-size:bold;}
- (C) ☒ p {font-weight:bold;}
- (D) ☐ <p style="font-size:bold;">

Câu 2. Thuộc tính nào sau đây đặt đệm trên cho đối tượng tài liệu?

- (A) ☐ paddingtop
- (B) ☐ top
- (C) ☐ paddingTop
- (D) ☒ padding-top

Câu 3. Cho trang web có nội dung như sau:

```
<!DOCTYPE html><html><head>
  <style>...</style>
</head><body>
  <div class="a">ABC</div>
  <div class="a">DEF</div>
</body></html>
```

Ở màn hình lớn, chiều rộng lớn hơn 500 pixel, hiển thị của trang web có dạng như sau:

ABC DEF

Ở màn hình nhỏ, chiều rộng nhỏ hơn 500 pixel, hiển thị của trang web có dạng như sau:

ABC
DEF

Trang web ở trên có khai báo CSS như thế nào?

- (A) ☐

```
@media screen and (min-width:500px) {
  .a {display:inline; width:50%;}
}
```
- (B) ☐

```
@media screen and (min-width:500px) {
  .a {float:left; width:50%;}
}
```

(C) ☒

```
@media screen and (max-width:500px) {  
  .a {float:left; width:50%;}  
}
```

(D) ☐

```
@media screen and (max-width:500px) {  
  .a {display:inline; width:50%;}  
}
```

Câu 4. Đoạn mã sau đây cho kết quả như thế nào?

```
function printArray(a) {  
  var len = a.length, i = 0;  
  if (len == 0) console.log("Empty Array");  
  else {  
    do {  
      console.log(a[i]);  
    } while (++i < len);  
  }  
}
```

(A) ☐

In các số trong từ cuối trở về đầu

(B) ☐

In ra "Empty Array"

(C) ☒

In các số trong mảng từ đầu đến cuối

(D) ☐

In ra 0

Câu 5. Sử dụng CSS để in đậm văn bản như thế nào?

(A) ☐

style:bold;

(B) ☐

font:bold;

(C) ☒

font-weight:bold;

(D) ☐

text:bold;

Câu 6. Phát biểu nào sau đây KHÔNG chính xác?

(A) ☒

JavaScript là tập con của Java.

(B) ☐

Có thể sử dụng JavaScript để thay đổi nội dung trang web.

(C) ☐

Mã JavaScript thường được chèn vào trang HTML

(D) ☐

JavaScript hỗ trợ lập trình hướng đối tượng.

Câu 7. Khai báo nào sau đây đúng?

(A) ☒

<INPUT TYPE = "submit" VALUE = "reset">

(B) ☐

<INPUT TYPE = "reset" TEXT = "clear">

(C) ☐

<INPUT TYPE= "submit" VALUES = "reset,submit">

(D) ☐

<INPUT TEXT = "submit" VALUE = "reset">

Câu 8. Đâu không phải là thuộc tính của đối tượng <textarea>?

- (A) ☐ cols
- (B) ☒ minlength
- (C) ☐ wrap
- (D) ☐ name

Câu 9. Liên kết nào sau đây mở trang page.htm ở cửa sổ mới?

- (A) ☐ Trang A
- (B) ☒ Trang A
- (C) ☐ Trang A
- (D) ☐ Trang A

Câu 10. Trong tài liệu HTML, đâu là vị trí cho bao hàm CSS ngoài

- (A) ☒ Phần đầu (head)
- (B) ☐ Cuối của tài liệu HTML
- (C) ☐ Phần thân (body)

Câu 11. Cho trang web có nội dung như sau:

```

<!DOCTYPE html><html><head>
  <style>
    .a {...}
    .b {...}
  </style>
</head><body>
  <div class="a">
    <div class="b">
      ABC
      <div class="b">
        ABC
        <div class="b">
          ABC
          <div class="b">
            ABC
            <div class="b">
              ABC
            </div>
          ABC
        </div>
        ABC
      </div>
      ABC
    </div>
    ABC
  </div>
  ABC
</div>
</div>
</body></html>

```

Để hiển thị trang web trên trình duyệt có dạng như sau:

```

      ABC
    ABC
  ABC
ABC
ABC
ABC
ABC
ABC
ABC
ABC

```

Các bảng định dạng CSS ".a" và ".b" có nội dung lần lượt là:

(A) ☐

```

.a {text-align:right; position:relative;}
.b { right:20px;}

```

(B) ☐

```

.a {right:20px;}
.b {text-align:right; position:relative;}

```

(C) ☐

```
.a {position:relative; right:20px;}  
.b {text-align:right;}
```

(D) ☒

```
.a {text-align:right;}  
.b {position:relative; right:20px;}
```

Câu 12. Những thành phần nào thuộc về bên phục vụ (server-side/backend)?

- a. ☐ Trình duyệt web
- b. ☒ Hệ quản trị CSDL
- c. ☒ Trình phục vụ web
- d. ☒ Trình phục vụ ứng dụng

Câu 13. Trong khai báo các đối tượng tài liệu bằng thẻ HTML, điều gì không ảnh hưởng đến kết quả khai báo?

- (A) ☐ Thứ tự trước sau giữa thẻ mở và thẻ đóng.
- (B) ☐ Thứ tự khai báo các thẻ.
- (C) ☐ Thứ tự trước sau giữa dấu nhỏ hơn (<) và dấu lớn hơn (>) trong các thẻ.
- (D) ☒ Thứ tự khai báo các thuộc tính.

Câu 14. Thuộc tính CSS nào được sử dụng để đặt màu chữ?

- (A) ☒ text-color
- (B) ☐ bgcolor
- (C) ☐ fgcolor
- (D) ☐ color

Câu 15. Quan hệ chứa (cha-con) của ba đối tượng <p>, <article>, và <section> thông thường là

- (A) ☐ <article><p><section></section></p></article>
- (B) ☒ <section><p><article></article></p></section>
- (C) ☐ <section><article><p></p></article></section>
- (D) ☐ <article><section><p></p></section></article>

Câu 16. Thuộc tính nào của <input> xác định một trường dữ liệu không được để trống?

- (A) ☐ empty
- (B) ☐ validate
- (C) ☒ required
- (D) ☐ placeholder

Câu 17. Làm cách nào để gọi một hàm “myFunction()” trong JavaScript ?

- (A) ☐ new myFunction();
- (B) ☐ call myFunction();
- (C) ☒ myFunction();
- (D) ☐ call function myFunction();

Câu 18. Thuộc tính nào của <form> cho biết phương thức HTTP được sử dụng để đệ trình dữ liệu?

- (A) ☐ onsubmit
- (B) ☐ method
- (C) ☒ action
- (D) ☐ target

Câu 19. Sự kiện onchange xảy ra khi nào?

- (A) ☒ Khi giá trị (của thuộc tính value) của một đối tượng thay đổi.
- (B) ☐ Khi một đối tượng trên giao diện có tâm điểm.
- (C) ☐ Khi vị trí hiển thị của đối tượng trên giao diện thay đổi.
- (D) ☐ Khi một đối tượng trên giao diện mất tâm điểm.

Câu 20. Đối tượng nào sau đây ít được chứa trong đối tượng <dl>

- (A) ☐ <dd>
- (B) ☒ <header>
- (C) ☐
- (D) ☐ <dt>

Câu 21. Phương pháp phổ biến nhất trong gán định danh cho ứng dụng web là

- (A) ☐ theo cổng (port-based)
- (B) ☐ theo bí danh (alias-based)
- (C) ☒ theo tên (name-based)
- (D) ☐ theo IP (IP-based)

Câu 22. Gốc của cây BOM là đối tượng nào?

- (A) ☐ html
- (B) ☐ document
- (C) ☐ body
- (D) ☒ window

Câu 23. Cho đoạn mã sau đây:

```
var book = {  
    mainTitle: "JavaScript",  
    subTitle: "The Definitive Guide",  
    for: "All audiences",  
    author: {  
        firstname: "David",  
        surname: "Flanagan"  
    }  
};
```

Trong đoạn mã trên, firstname và surname là gì?

- (A) ☐ Đối tượng
- (B) ☐ Giá trị thuộc tính
- (C) ☒ Tên thuộc tính
- (D) ☐ Thuộc tính

Câu 24. Đối tượng nào được khai báo ngầm định cùng với khai báo bảng

```
<table>
  <tr>
    <td>Hello</td>
  </tr>
</table>
```

- a. ☒ <tbody>
- b. ☐ <colgroup>
- c. ☐ <caption>
- d. ☐ <tfoot>
- e. ☐ <thead>
- f. ☐ <col>
- g. ☐ <th>

Câu 25. Cho trang web có nội dung như sau:

```
<!DOCTYPE html><html><head>
  <style type="text/css">
    div > a {color:red;}
  </style>
</head><body>
  <h1>Welcome</h1>
  <a href="#link1">Link 1</a>
  <div>
    <a href="#link2">Link 2</a>
    <span>
      <a href="#link3">Link 3</a>
    </span>
  </div>
  <div>
    <a href="#link4">Link 4</a>
  </div>
</body></html>
```

Có bao nhiêu liên kết được hiển thị với chữ màu đỏ?

- (A) ☐ 1
- (B) ☒ 2
- (C) ☐ 4
- (D) ☐ 3

Câu 26. Truy cập một website và thấy URL trên thanh địa chỉ của trình duyệt có chứa cả các từ tiếng Việt có dấu. Phát biểu nào sau đây chính xác?

- (A) ☐ Ký tự thuộc một số tiếng, trong đó tiếng Việt, được phép xuất hiện trong URL.
- (B) ☒ Ký tự có dấu tiếng Việt nhìn thấy chỉ là trình diễn bên ngoài của các ký tự ASCII mã từ 0x20 đến 0x7e.
- (C) ☐ Tất cả ký tự tiếng Việt được phép xuất hiện trong URL.
- (D) ☐ Một số ký tự có dấu trong tiếng Việt được phép xuất hiện trong URL.

Câu 27. Proxy được sử dụng với mục đích cân bằng tải là

- (A) ☐ intermediate proxy
- (B) ☐ reverse proxy
- (C) ☐ forward proxy
- (D) ☒ cache proxy

Câu 28. Sass và Less là những ví dụ về

- (A) ☐ thư viện phân tích CSS
- (B) ☐ thư viện CSS
- (C) ☐ thư viện HTML5 và CSS3
- (D) ☒ thư viện tiền xử lý CSS

Câu 29. Trình duyệt web là một

- (A) ☐ trình trình diễn (presenter)
- (B) ☐ trình thông dịch (interpreter)
- (C) ☒ trình biên dịch (compiler)
- (D) ☐ trình phân tích (parser)

Câu 30. Ai là người phát minh ra World Wide Web?

- (A) ☐ Vinton Gray Cerf
- (B) ☒ Tim Berners-Lee
- (C) ☐ Bob Kahn
- (D) ☐ Alan Turing

Câu 31. Các thuộc tính localStorage và sessionStorage thuộc về đối tượng nào?

- (A) ☒ window
- (B) ☐ DOM
- (C) ☐ Element
- (D) ☐ Hash

Câu 32. Khai báo nào sau đây hợp lệ?

- (A) ☐ `<head></head><style></style><body></body>`
- (B) ☐ `<head></head><body></body><style></style>`
- (C) ☐ `<body><style></style></body>`
- (D) ☒ `<head><style></style><style></style></head>`

Câu 33. Đâu không phải là giá trị cho thuộc tính align của đối tượng <td>?

- (A) ☒ tall

- (B) ☐ bottom
- (C) ☐ center
- (D) ☐ top

Câu 34. Đâu không phải là giá trị hợp lệ cho thuộc tính TYPE của đối tượng <input>?

- (A) ☐ submit
- (B) ☒ reset
- (C) ☐ checkbox
- (D) ☐ radiobutton

Câu 35. Đâu không phải là thuộc tính của đối tượng <body>

- (A) ☐ alink
- (B) ☐ link
- (C) ☒ bground
- (D) ☐ vlink

Câu 36. Cho trang web có nội dung như sau:

```
<!DOCTYPE html><html><body>
  <div class="container">
    <article class="news">
      <h2 class="news-title">abc news</h2>
      <p class="news-abstract">def def def</p>
      <div class="news-body">
        <p>abc</p>
        <p>def</p>
      </div>
    </article>
  </div>
</body></html>
```

Hãy cho biết các câu lệnh sau lấy tham chiếu đến đối tượng tài liệu nào?

- | | |
|--|-----------------|
| 1. document.querySelector(".news").parentNode | e. <div class=' |
| 2. document.querySelector(".news").firstChild | g. #text |
| 3. document.querySelector(".news").childNodes[1] | a. <h2 class=' |
| 4. document.querySelector(".news").childNodes[1].nextSibling.nextSibling | b. <p class='n |
| 5. document.querySelector(".news").childNodes[1].childNodes[1] | d. undefined |
| 6. document.querySelector(".news").childNodes[5] | h. <div class=' |
| 7. document.querySelector(".news").childNodes[5].childNodes[1] | c. <p> |
| 8. document.querySelector(".news").childNodes[5].childNodes[1].nextSibling.nextSibling | f. |

Câu 37. Cho đối tượng `<ul id="mylist">` được khai báo bằng HTML như sau:

```
<ul id="mylist">
  <li>Item 1</li>
  <li>Item 2</li>
  <li>Item 3</li>
  <li>Item 4</li>
  <li>Item 5</li>
</ul>
```

Đoạn mã JavaScript sau đây làm gì với đối tượng `<ul id="mylist">`?

```
var list = document.querySelector("#mylist");
var items = document.querySelectorAll("#mylist li");
for (var i = 0; i < items.length; i++) {
  list.removeChild(items[i]);
  list.insertBefore(items[i], items[i+2]);
}
```

- (A) ☐ Sắp xếp các đối tượng `` theo chiều tăng dần.
- (B) ☐ Sắp xếp các đối tượng `` theo chiều giảm dần.
- (C) ☐ Đảo ngược thứ tự các đối tượng ``.
- (D) ☒ Không làm thay đổi gì trên ``.

Câu 38. Mô tả trình diễn của đối tượng với bộ chọn sau:

```
span {
  border: 1px solid red;
  outline: green dotted thick;
}
```

- (A) ☐ Tất cả các đối tượng `` có đường viền ngoài màu đỏ và đường viền trong màu xanh nét chấm.
- (B) ☒ Tất cả các đối tượng `` có đường viền mỏng màu đỏ và đường viền dày màu xanh.
- (C) ☐ Tất cả các đối tượng `` có đường viền ngoài màu xanh nét chấm và đường viền trong màu đỏ nét.
- (D) ☐ Tất cả các đối tượng `` có đường viền dày màu đỏ và đường viền mỏng màu xanh.

Câu 39. Với CSS, lựa chọn đối tượng có `class="test"` như thế nào?

- (A) ☐ `.test`
- (B) ☐ `test`
- (C) ☒ `*test`
- (D) ☐ `#test`

Câu 40. Đoạn mã sau đây in ra console nội dung gì?

```
var Employee = {  
  firstname: "Mohammed",  
  lastname: "Haddad"  
}  
  
delete Employee.firstname;  
console.log(Employee.firstname);
```

- (A) ☐ null
(B) ☐ Mohammed
(C) ☐ ReferenceError
(D) ☒ undefined

Câu 41. Khai báo nào sau đây hợp lệ

- (A) ☒ <head><meta></meta></head><body><meta></meta></body>
(B) ☐ <meta></meta><head></head><body></body>
(C) ☐ <head></head><body></body><meta></meta>
(D) ☐ <head><meta></meta><meta></meta></head>

Câu 42. CSS nào sau đây làm cho đối tượng được hiển thị thấp hơn so với các đối tượng khác trong cùng dòng

- (A) ☒ display:inline; position:relative; top:10px;
(B) ☐ display:block; position:relative; top:10px;
(C) ☐ display:inline; position:relative; bottom:10px;
(D) ☐ display:block; position:relative; bottom:10px;

Câu 43. Cho khai báo HTML như sau:

```
<div class="a">  
  <div>ABC</div>  
  <div class="b">DEF</div>  
  <div>GHI</div>  
</div>
```

Để trình diễn các đối tượng HTML trên trang web có dạng như sau (Lưu ý "DEF" được hiển thị trên cùng phải so với các văn bản còn lại):

```
DEF  
ABC  
GHI
```

Nội dung các bảng định dạng CSS ".a" và ".b" được khai báo là:

- (A) ☐ .a {position:relative; top:20px;left:20px}
 .b {position:absolute; }
(B) ☒ .a {position:relative}
 .b {position:absolute; top:20px;left:20px}
(C) ☐ .a {position:relative}
 .b {position:absolute; top:-20px;left:20px}

- (D) ☐ .a {position:relative; top:-20px;left:20px}
.b {position:absolute; }

Câu 44. Câu lệnh JavaScript nào là đúng để thực hiện thay đổi nội dung trong phần tử HTML bên dưới?

<p id = "demo"> Hello world </p>

- (A) ☒ document.getElementById("demo").innerHTML = "JavaScripts";
(B) ☐ #demo.innerHTML = "Java Scripts";
(C) ☐ document.getElementsByName("p").innerHTML = "JavaScripts";
(D) ☐ document.getElement("p").innerHTML = "JavaScripts";

Câu 45. Giả sử trang web có đối tượng <div id="answerbox">. Để thêm một đoạn văn có nội dung "Hello" vào c ở trên, đoạn mã JavaScript nào sau đây là tốt nhất?

- (A) ☐

```
var d = document.getElementById("answerbox");  
d.innerHTML += "<p>Hello</p>";
```

- (B) ☒

```
var t = document.createTextNode("Hello");  
var p = document.createElement("p");  
d = document.getElementById("answerbox");  
p.appendChild(t);  
d.appendChild(p);
```

- (C) ☐

```
var d = document.getElementById("answerbox");  
d.appendChild("<p>Hello</p>");
```

- (D) ☐

```
answerbox.innerHTML += "<p>Hello</p>";
```

Câu 46. Cho đối tượng <ul id="mylist"> được khai báo bằng HTML như sau:

```
<ul id="mylist">  
  <li>Item 1</li>  
  <li>Item 2</li>  
  <li>Item 3</li>  
  <li>Item 4</li>  
  <li>Item 5</li>  
</ul>
```

Đoạn mã JavaScript sau đây làm gì trên đối tượng <ul id="mylist">?

```
var list = document.querySelector("#mylist");  
var items = document.querySelectorAll("#mylist li");  
var last = items[items.length-1];  
for (var i = items.length-2; i >= 0; i--) {  
  list.removeChild(items[i]);  
  list.insertBefore(items[i], last.nextSibling);  
  last = items[i];  
}
```

- (A) ☐ Sắp xếp các theo chiều tăng dần.

- (B) ☒ Sắp xếp các theo chiều giảm dần.
- (C) ☐ Không làm thay đổi gì trên .
- (D) ☐ Đảo ngược thứ tự các đối tượng .

Câu 47. Giả sử trên trang web có một bảng (table) có định danh là *mytable*. Đoạn lệnh nào sau đây thực hiện đổi và j của bảng?

(A) ☐

```
tb = document.getElementById("mytable");
r1 = tb.rows[i];
nr1 = r1.nextSibling;
r2 = tb.rows[j];
tb.insertBefore(r1, r2);
tb.insertBefore(r2, nr1);
```

(B) ☐

```
r1 = document.getElementById(i);
r2 = document.getElementById(j);
tmp = r1;
r1 = r2;
r2 = tmp;
```

(C) ☒

```
tb = document.getElementById("mytable");
r1 = tb.rows[i];
nr1 = r1.nextSibling;
r2 = tb.rows[j];
tb.tBodies[0].insertBefore(r1, r2);
tb.tBodies[0].insertBefore(r2, nr1);
```

(D) ☐

```
tb = document.getElementById("mytable");
r1 = tb.rows[i];
r2 = tb.rows[j];
tmp = r1;
r1 = r2;
r2 = tmp;
```

Câu 48. Trong cấu trúc URL

scheme://host[:port][/path][?query-string][#bookmark]

thành phần *path* đóng vai trò gì?

- (A) ☒ Xác định địa chỉ lưu tài nguyên bên trong ứng dụng web.
- (B) ☐ Nhận diện tài nguyên bên trong ứng dụng web.
- (C) ☐ Xác định đường dẫn đến tệp tài nguyên bên trong ứng dụng web.
- (D) ☐ Định danh tài nguyên bên trong ứng dụng web.

Câu 49. Cho đối tượng <ul id="mylist"> được khai báo bằng HTML như sau:

```
<ul id="mylist">
  <li>Item 1</li>
  <li>Item 2</li>
  <li>Item 3</li>
  <li>Item 4</li>
  <li>Item 5</li>
</ul>
```

Đoạn mã JavaScript sau đây làm gì với đối tượng <ul id="mylist">?

```
var items = document.querySelectorAll("#mylist li");
var tmp;
for (var i = 0; i < items.length/2; i++) {
  tmp = items[i];
  items[i] = items[items.length-1-i];
  items[items.length-1-i] = tmp;
}
```

- (A) ☐ Sắp xếp các đối tượng theo chiều tăng dần.
- (B) ☒ Không làm thay đổi gì trên .
- (C) ☐ Sắp xếp các đối tượng theo chiều giảm dần.
- (D) ☐ Đảo ngược thứ tự các đối tượng .

Câu 50. Thuộc tính nào sau đây không hợp lệ cho cả đối tượng và

- (A) ☐ type
- (B) ☐ start
- (C) ☐ value
- (D) ☒ begin

Câu 51. Cho đối tượng <ul id="mylist"> được khai báo bằng HTML như sau:

```
<ul id="mylist">
  <li>Item 1</li>
  <li>Item 2</li>
  <li>Item 3</li>
  <li>Item 4</li>
  <li>Item 5</li>
</ul>
```

Đoạn mã JavaScript sau đây làm gì với đối tượng <ul id="mylist">?

```
var list = document.querySelector("#mylist");
var items = document.querySelectorAll("#mylist li");
for (var i = items.length-2; i >= 0; i--) {
  list.removeChild(items[i]);
  list.appendChild(items[i]);
}
```

- (A) ☒ Đảo ngược thứ tự các đối tượng .

- (B) ☐ Sắp xếp các theo chiều giảm dần.
- (C) ☐ Không thay đổi gì trên .
- (D) ☐ Sắp xếp các theo chiều tăng dần.

Câu 52. Thuộc tính CSS nào cho biết một đối tượng tài liệu có thể được hiển thị che/trước đối tượng khác.

- (A) ☐ x-index
- (B) ☒ z-index
- (C) ☐ h-index
- (D) ☐ y-index

Câu 53. Khi chạy đoạn mã JavaScript sau

```
function a() {  
    function b(x, y) {  
        return (x + y);  
    }  
    this.c = function(x, y) {  
        return ...;  
    }  
}  
  
var o = new a();  
console.log(o.c(1, 2));  
console.log(o.c(3, 4));
```

kết quả in ra console là

3
7

- Câu lệnh còn thiếu trong đoạn mã trên (return ...;) là gì?
- (A) ☐ return b.apply(this, x, y);
- (B) ☒ return b(x, y);
- (C) ☐ return b[x, y];
- (D) ☐ return b.apply(this, [x, y]);

Câu 54. Kiểu MINE có trong đáp ứng HTTP có tác dụng

- (A) ☐ giúp cho trình duyệt lựa chọn ứng dụng xử lý phù hợp.
- (B) ☐ giúp cho trình phục vụ và trình duyệt lưu trữ thông tin một cách phù hợp.
- (C) ☐ giúp cho trình duyệt biến đổi nội dung thành HTML, CSS hay JavaScript một cách phù hợp.
- (D) ☒ giúp cho trình phục vụ và trình duyệt định dạng các gói tin yêu cầu và đáp ứng HTTP một cách phù hợp.

Câu 55. Phương thức nào chuyển đổi giá trị số thành chuỗi với

var a = 123;

- (A) ☐ var s = a.convert();
- (B) ☐ var s = a.stringValue();
- (C) ☒ var s = a.toString();

(D) ☐ var s = a.value();

Câu 56. Khai báo nào sau đây hợp lệ

(A) ☐ <picture>

(B) ☒ <source>

(C) ☐ <picture></picture>

(D) ☐ <source></source>

Câu 57. Đâu không phải là thuộc tính của đối tượng <input>?

(A) ☒ text

(B) ☐ size

(C) ☐ maxLength

(D) ☐ name

Câu 58. Đối tượng nào có kiểu hiển thị theo dòng (inline) theo mặc định?

(A) ☐ <h1>

(B) ☒ <div>

(C) ☐ <section>

(D) ☐

Câu 59. Bộ chọn nào có tính cụ thể cao nhất?

(A) ☒ ul#nav li.active a:first-child

(B) ☐ ul#nav li.active a::after

(C) ☐ ul nav

(D) ☐ #ul#nav

Câu 60. Câu lệnh nào sau đây thực hiện tải lại (refresh) trang web?

(A) ☐ page.refresh

(B) ☒ location.reload

(C) ☐ window.refresh

(D) ☐ window.reload

Câu 61. Đối tượng nhãn <label> trong trang web sau đây được trình diễn với chữ màu gì?

```
/* File: mystyle.css */
label {color:yellow;}
body {color: red;}

<!-- File: index.htm -->
<!DOCTYPE html><html><head>
  <style>
    label.note {color: purple;}
    label {color:green;}
  </style>
  <link rel="stylesheet" href="mystyle.css">
</head><body>
  <label class="note">Text</label>
</body></html>
```

- (A) ☐ Vàng
- (B) ☒ Tím
- (C) ☐ Đỏ
- (D) ☐ Xanh

Câu 62. Lệnh prompt trong JavaScript để làm gì?

- (A) ☐ Hiện một thông báo dạng OK
- (B) ☒ Hiện một dòng nhắc nhập dữ liệu
- (C) ☐ Hiện một thông báo dạng Yes, No
- (D) ☐ Hiện một thông báo dạng OK, Retry, Cancel

Câu 63. Khai báo sau đây có hợp lệ hay không?

```
function x() {
  function y() {
    console.log("xy");
  }
}
```

- (A) ☐ Có
- (B) ☒ Không

Câu 64. Kết quả của đoạn mã JavaScript sau là gì?

```
var x = 0;
do {console.log(x);} while (x > 0);
```

- (A) ☒ 0
- (B) ☐ null
- (C) ☐ Không có kết quả.
- (D) ☐ 1

Câu 65. Khi duyệt trang web có nội dung như sau:

```
<!DOCTYPE html><html><body>
  <ul id="mylist">
    <li>Item 1</li>
    <li>Item 2</li>
    <li>Item 3</li>
  </ul>
  <script type="text/javascript">
    var list = document.getElementById("mylist").childNodes;
    for (mask1; i < list.length; mask2)
      console.log(list[i].innerHTML);
  </script>
</body></html>
```

kết quả in ra console là (*Lưu ý: console chứ không phải GUI*)

```
Item 1
Item 2
Item 3
```

Hỏi các câu lệnh đã bị che mặt nạ (mask1, mask2) trong lệnh

```
for (mask1; i < list.length; mask2)
```

có nội dung là gì?

- (A) ☐ mask1: var i = 0
mask2: i++
- (B) ☒ mask1: var i = 1
mask2: i = i+2
- (C) ☐ mask1: var i = 0
mask2: i = i+2
- (D) ☐ mask1: var i = 1
mask2: i++

Câu 66. Đâu không phải là thuộc tính của plug-in cho trình duyệt web?

- (A) ☒ Chương trình độc lập
- (B) ☐ Mở chạy nhanh chóng
- (C) ☐ Liên kết chặt với trình duyệt
- (D) ☐ Hiển thị bên trong cửa sổ trình duyệt

Câu 67. Khi chạy đoạn mã JavaScript sau

```
function Writing(c) {  
    var content = c;  
    this.getContent = function() {  
        return content;  
    }  
}  
  
function Post(c, d) {  
    Writing...;  
    var date = d;  
    this.toString = function() {  
        return ...;  
    };  
}  
  
var p = new Post("post bla bla", new Date());  
console.log(p.toString());
```

kết quả in ra console là

post bla bla,Tue Aug 07 2018 16:15:56 GMT+0700 (+07)

Hỏi các câu lệnh còn thiếu (Writing...; và return ...;) có nội dung là gì?

(A) ☒

```
Writing.call(this, c);  
return this.getContent() + "," + date;
```

(B) ☐

```
Writing.call(this, c);  
return content + "," + date;
```

(C) ☐

```
Writing.apply(this, c);  
return this.getContent() + "," + date;
```

(D) ☐

```
Writing.apply(this, c);  
return content + "," + date;
```

Câu 68. Những thông tin nào sau đây được sử dụng để làm định danh cho ứng dụng web?

- a. ☒ tên máy (hostname)
- b. ☒ số hiệu cổng (port)
- c. ☒ lược đồ (http, https)
- d. ☐ tài nguyên web
- e. ☐ nơi đặt máy chủ lưu ứng dụng web
- f. ☒ địa chỉ IP
- g. ☐ tên cơ quan sở hữu trang web
- h. ☐ lĩnh vực hoạt động của trang web

Câu 69. Câu lệnh nào sau đây không tạo ra một đối tượng JavaScript?

- (A) ☐ var obj = {name = "Steve"};
- (B) ☒ var obj = {name: "Steve"};
- (C) ☐ var obj = new Object();
- (D) ☐ var obj = {};

Câu 70. Thuộc tính CSS nào được sử dụng để đặt cỡ chữ?

- (A) ☐ font-style
- (B) ☐ text-style
- (C) ☒ font-size
- (D) ☐ text-size

Câu 71. Cho trang web có nội dung như sau:

```
<!DOCTYPE html><html><head>
  <style> div {color:red;} </style>
</head><body>
  <div>Text 1</div>
  <div><label>Text 2</label></div>
  <div><span><label>Text 3</label></span></div>
  <label>Text 4</label>
</body></html>
```

Có bao nhiêu dòng văn bản được hiển thị theo màu đỏ?

- (A) ☐ 2
- (B) ☐ 4
- (C) ☐ 1
- (D) ☒ 3

Câu 72. Khai báo nào sau đây hợp lệ

- (A) ☐ <body><title></title></body>
- (B) ☒ <head><title></title></head>
- (C) ☐ <head><title></title><title></title></head>
- (D) ☐ <body><title></title><title></title></body>

Câu 73. Thấy gì với đoạn mã sau đây?

```
var count = [1,,3];
```

- (A) ☐ Có ngoại lệ phát sinh
- (B) ☐ count là mảng có 2 phần tử
- (C) ☒ count[1] có giá trị là "undefined"
- (D) ☐ Có lỗi phát sinh

Câu 74. Kết quả trả về của đoạn mã sau đây là gì?

```
var a = [1,2,3,4,5];
a.slice(0,3);
```

(A) ☐

[1,2,3,4,5]

(B) ☐

[1,2,3,4]

(C) ☐

[4,5]

(D) ☒

[1,2,3]

Câu 75. Cho đoạn mã JavaScript sau

```
function a(x, y) {  
    function b(x, y) {  
        return (x + y);  
    }  
    this.c = function(x, y) {  
        return (x + y);  
    }  
}
```

Các câu lệnh nào sau đây là hợp lệ nếu được viết sau đoạn mã trên?

(A) ☐

```
var o = new a();  
console.log(o.b(1, 2));
```

(B) ☒

```
var o = new a();  
console.log(o.c(1, 2));
```

(C) ☐

```
console.log(a.b(1, 2));
```

(D) ☐

```
console.log(a.c(1, 2));
```

Câu 76. Mỗi thẻ (tag) HTML là một(A) ☐

hàm ảo

(B) ☐

hàm hủy (destructor)

(C) ☐

hàm thông thường

(D) ☒

hàm tạo (constructor)

Câu 77. Trong JavaScript, hàm parseFloat() dùng để làm gì?(A) ☐

Chuyển một chuỗi thành số thực.

(B) ☐

Chuyển một số thực thành số nguyên.

(C) ☐

Chuyển một chuỗi thành số nguyên.

(D) ☒

Chuyển một số nguyên thành số thực.

Câu 78. Lực chọn mệnh đề để có phát biểu nào chính xác?

- Có thể sử dụng chuỗi truy vấn (query string) trong URL để gửi dữ liệu người dùng từ trình khách đến thì chỉ có thể bằng GET hoặc POST.
- (A) ☐ chỉ có thể bằng phương thức GET.
- (B) ☐ chỉ có thể bằng phương thức POST.
- (C) ☐ bằng bất kỳ phương thức HTTP nào.
- (D) ☒

Câu 79. Câu lệnh nào bao hàm script từ bên ngoài có tên là “my.js”

- (A) ☐ `<script link = “my.js”></script>`
- (B) ☒ `<script src = “my.js”></script>`
- (C) ☐ `<script href = “my.js”></script>`
- (D) ☐ `<script rel = “my.js”></script>`

Câu 80. Phát biểu nào sau đây KHÔNG đúng?

- (A) ☐ Theo mô hình RGB, FF0000 biểu diễn màu hồng.
- (B) ☒ Theo mô hình RGB, FFFF00 biểu diễn màu vàng.
- (C) ☐ Theo mô hình RGB, 000000 biểu diễn màu đen.
- (D) ☐ Theo mô hình RGB, FFFFFFFF biểu diễn màu trắng.

Điểm: 7.2

THÍ SINH

(Chữ ký, họ và tên)

CBCT 1

(Chữ ký, họ và tên)

CBCT 2

(Chữ ký, họ và tên)

